



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 7

Số 63 (01/7/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

15-6-2010	Quyết định số 2603/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị.	3
-----------	--	---

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

09-6-2010	Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 5.	19
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

10-6-2010	Chỉ thị số 03/2010/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, xây dựng trên địa bàn huyện Bình Chánh.	42
-----------	--	----

10-6-2010 - Chỉ thị số 04/2010/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý
Nhà nước về môi trường trên địa bàn huyện Bình Chánh.

48

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2603/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP
ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành
Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện
Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố tại Tờ trình số 4069/LĐT BXH-BĐG ngày 04 tháng 5 năm 2010 về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Trường Cán bộ thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Trên cơ sở các giải pháp chủ yếu của các Chương trình hành động nêu trên và căn cứ tình hình thực tiễn của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Phát huy vai trò, tiềm năng của phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là điều kiện để phát huy vai trò, tiềm năng của phụ nữ, khơi dậy và phát huy nguồn lực quan trọng và to lớn nhằm tạo tiền đề để thực hiện bình đẳng giới một cách toàn diện và bền vững.

2. Quan tâm cải thiện điều kiện học tập, làm việc, sinh hoạt về vật chất và tinh

thần cho phụ nữ; tạo điều kiện và thu hút phụ nữ tham gia phát triển sản xuất, được học tập và tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ trong mỗi gia đình, cơ quan, đơn vị, cộng đồng để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên trong gia đình.

3. Tăng cường công tác truyền thông các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ nhằm thay đổi căn bản và sâu sắc nhận thức về giới, ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình; coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn, góp phần nâng tỷ lệ cán bộ nữ trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các lĩnh vực tương xứng với tiềm năng và vai trò phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời kỳ mới.

4. Xây dựng ý thức, hành động tôn trọng, lịch sự và quan tâm đến sự tiến bộ của phụ nữ trong toàn xã hội và trước hết trong các tổ chức Đảng, trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, trong nhà trường, lực lượng vũ trang, công sở, nơi sinh hoạt văn hóa và nơi cộng đồng.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2020:

I. MỤC TIÊU CỤ THỂ:

1. Năm 2010:

- Về học tập, nâng cao trình độ: có từ 80% trở lên hội viên phụ nữ thành phố được tuyên truyền phổ biến các nội dung của Hội và được hướng dẫn kỹ năng sống; có trên 50% nữ thanh niên được học tập và giáo dục tiền hôn nhân; nâng cao trình độ của phụ nữ để góp phần duy trì kết quả phổ cập bậc trung học phổ thông và đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch của thành phố; 100% cán bộ Hội chủ chốt cấp quận, huyện và thành phố có trình độ đại học chuyên ngành và cao cấp lý luận chính trị.

- Tạo điều kiện hỗ trợ phụ nữ chăm lo đời sống, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; trong đó đặc biệt quan tâm hỗ trợ cho: phụ nữ có thu nhập thấp, phụ nữ vùng đô thị hóa, phụ nữ các địa bàn phải di dời, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ vốn làm kinh tế, trong đó phần đầu trên 60% phụ nữ vươn lên làm ăn khá. Tích cực triển khai thực hiện hiệu quả đề án chăm sóc sức khỏe phụ nữ ngoại thành, giảm đến mức thấp nhất tỷ lệ phụ nữ mắc bệnh phụ khoa.

- Xây dựng, phát triển tổ chức Hội phụ nữ vững mạnh: Phần đầu 100% khu phố,

ấp, chợ có tổ chức Hội phụ nữ. Bồi dưỡng và giới thiệu hội viên ưu tú cho Đảng đạt tỷ lệ từ 10 - 15%, trong đó có từ 20 - 25% được kết nạp Đảng.

- Phân đấu cán bộ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp, đạt từ 30% trở lên; các cơ quan, đơn vị có 30% lao động nữ trở lên nhất thiết phải có cán bộ lãnh đạo là nữ, nâng tỷ lệ thường trực cấp ủy quận - huyện là nữ từ 23,6% hiện nay lên trên 36%; Quận ủy, Huyện ủy có nữ trong thường trực cấp ủy từ 58,3% lên trên 83%. Các sở, ban, ngành thành phố đều có cán bộ nữ tham gia trong ban lãnh đạo.

2. Đến năm 2020:

- Tiếp tục duy trì và phát triển các kết quả đạt được từ Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010.

- Phân đấu nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ 35% trở lên; 100% Chủ tịch Hội phụ nữ phường - xã - thị trấn là đảng viên; đồng thời quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn tham gia vào cấp ủy cùng cấp.

- Phụ nữ thành phố trong độ tuổi lao động cơ bản đều có việc làm, đời sống được cải thiện, đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình và xã hội.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị về bình đẳng giới; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác bình đẳng giới và sự phối hợp liên ngành, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ.

2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác phụ nữ và bình đẳng giới; nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

3. Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, dự án về bình đẳng giới và các giải pháp phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ:

a) Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; xây dựng chính sách khuyến khích phát triển gia đình điển hình gương mẫu theo tiêu chí “gia đình văn hóa”;

b) Xây dựng hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu của thành phố về bình đẳng giới, công cụ theo dõi, đánh giá vấn đề lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Nâng cao vị thế của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của cuộc sống thông qua việc tăng cường sự tham gia lãnh đạo và quản lý của phụ nữ; thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ; tham mưu cơ chế, chính sách cụ thể về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức nữ:

a) Tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo, y tế, pháp luật bảo vệ cho phụ nữ và trẻ em gái;

b) Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ;

c) Tham mưu, đề xuất và thực hiện chính sách đặc thù đối với lao động nữ làm việc ở vùng khó khăn và là người dân tộc thiểu số;

d) Xây dựng cơ chế đảm bảo thúc đẩy sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào các quá trình ra quyết định và tăng tỷ lệ nữ ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

5. Quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn thành phố trong việc bảo đảm cho nữ cán bộ, công chức tham gia quản lý nhà nước:

a) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 19/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;

b) Xây dựng và ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân thành phố với Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố;

c) Xây dựng và ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân các cấp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp.

6. Huy động nguồn lực cho các hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về bình đẳng giới nói chung và sự phát triển của phụ nữ nói riêng.

III. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Tiếp tục xây dựng, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động các Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành. Điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Quy chế

hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

b) Xây dựng mô hình thí điểm triển khai thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

c) Rà soát, báo cáo thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2010.

d) Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ từ thành phố đến các sở - ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2010.

đ) Tổ chức tập huấn kiến thức về giới, kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ các ngành, các cấp.

Thời gian thực hiện: hàng năm.

e) Tuyên truyền Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Thành ủy; Chỉ thị, các Nghị quyết của Đảng và các văn bản liên quan đến chế độ, chính sách cho phụ nữ, Luật Bình đẳng giới,...

Thời gian thực hiện: hàng năm.

g) Xây dựng tài liệu tập huấn, ấn phẩm truyền thông về giới và bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ các đơn vị trên địa bàn thành phố.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2011.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm Luật Bình đẳng giới, các hành vi xâm hại tình dục, ngược đãi trẻ em gái.

Thời gian thực hiện: hàng năm.

k) Tăng cường công tác thanh - kiểm tra việc thực hiện Bộ Luật Lao động chú trọng đến lồng ghép giới; các chế độ, chính sách cho nữ cán bộ nhân viên và đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở chữa bệnh thuộc thành phố và cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố.

Thời gian thực hiện: hàng năm.

l) Nghiên cứu, rà soát đề xuất sửa đổi và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào các chương trình, đề án hỗ trợ đào tạo nghề hiện hành.

- Hình thức văn bản: Tờ trình.

- Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

m) Tiếp tục triển khai thực hiện đề án nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn thành phố, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và phát huy thế mạnh của phụ nữ.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

n) Tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ trên địa bàn thành phố được vay vốn của các chương trình tín dụng nhằm phát triển sản xuất, chuyển đổi ngành nghề, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

o) Tham mưu đề xuất thực hiện thí điểm công cụ kiểm toán giới trong lĩnh vực lao động và xã hội thông qua việc lồng ghép giới vào các chỉ số giám sát đánh giá kết quả thực hiện của ngành để đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu thu thập hàng năm.

- Hình thức văn bản: Quyết định.

- Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

p) Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thành các mục tiêu chiến lược quốc gia “Vi sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010” của Chính phủ và kế hoạch hành động “Vi sự tiến bộ của phụ nữ thành phố đến năm 2010”.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

q) Triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010 - 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

r) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về lao động, trong đó có Bộ Luật Lao động đảm bảo phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

s) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Lao động đảm bảo phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp từng nhóm đối tượng dân cư; đồng thời lồng ghép tuyên truyền về vai trò của gia đình đối với sự phát triển toàn diện của từng thành viên gia đình để đạt được mục tiêu bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Tham mưu đề xuất và thực hiện đề án phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình, cải thiện môi trường sống của thành phố giai đoạn 2011 - 2020, tạo điều kiện cho phụ nữ có nhiều cơ hội cống hiến cho xã hội và tiếp cận các dịch vụ văn hóa, giải trí.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

d) Tham mưu đề xuất và hoàn thiện tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa” và hệ thống chính sách nhằm phát triển gia đình Việt Nam cho phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của thành phố, đảm bảo theo tiêu chí “no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”; đẩy mạnh phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa” trên địa bàn thành phố.

- Hình thức văn bản: Quyết định.

- Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chỉ thị về thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2010.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Tham mưu đề xuất và thực hiện các chương trình, đề án tạo điều kiện cho cán bộ nữ tiếp cận với nền kỹ thuật công nghệ hiện đại của thế giới.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

b) Tham mưu đề xuất chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Hình thức văn bản: Quyết định.

- Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

c) Tăng cường các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến bình đẳng giới và công tác phụ nữ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Rà soát tài liệu, chương trình giảng dạy ở các cấp học, bậc học để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc loại bỏ thông tin, hình ảnh, kiến thức có định kiến giới.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

b) Rà soát đề kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

c) Đưa nội dung giáo dục về giới, Luật Bình đẳng giới vào chương trình đào tạo cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục, giáo viên các cấp học.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2010.

d) Rà soát cơ chế ưu tiên hỗ trợ xóa mù chữ, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở để xây dựng đề án, phương án tạo điều kiện tăng tỷ lệ nhập học mầm non, tiểu học của trẻ em gái, đồng thời giảm tỷ lệ mù chữ của phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số, người nhập cư, người lao động trong các khu chế xuất - khu công nghiệp, quận - huyện ngoại thành có điều kiện kinh tế khó khăn.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

đ) Tham mưu đề xuất đề án phát triển giáo dục thường xuyên, trong đó có cơ chế khuyến khích phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ sống tại địa bàn khó khăn tham gia.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

e) Nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ để tăng nhanh tỷ lệ phụ nữ trên địa bàn thành phố được đào tạo sau đại học.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

g) Tham mưu đề xuất các chỉ số đánh giá bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố thông qua việc lồng ghép giới vào các chỉ số giám sát đánh giá kết quả thực hiện công tác của ngành.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

5. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Triển khai hướng dẫn thực hiện chính sách đào tạo đặc biệt đối với cán bộ nữ công tác ở địa bàn khó khăn, người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học trong thời gian đang nuôi con nhỏ.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

b) Triển khai hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

c) Tham mưu đề xuất và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ, công chức nữ tại các cơ quan, đơn vị từ thành phố đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn nhằm tạo nguồn cán bộ nữ kế thừa.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

d) Tham mưu đề xuất và thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện khuyến khích cán bộ nữ học tập, nâng cao trình độ và chính sách đối với cán bộ nữ đang công tác đoàn thể ở phường - xã, thị trấn.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

đ) Tham mưu đề xuất chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ làm việc ở địa bàn khó khăn, người dân tộc thiểu số,... đang làm các công việc có tính chất lây nhiễm, độc hại, nguy hiểm.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2010.

e) Tham mưu đề xuất cơ chế và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo thúc đẩy sự tham gia nhiều hơn vào các quá trình ra quyết định, tăng tỷ lệ ứng cử nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

g) Tổ chức khảo sát, đánh giá đội ngũ cán bộ nữ ở các cấp, các lĩnh vực để có hướng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nhất là cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ nữ xuất thân từ công nhân, người dân tộc; quan tâm phát hiện, chọn cử cán bộ nữ tham gia chương trình đào tạo bồi dưỡng ở trong và ngoài nước.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

h) Tăng cường công tác giám sát, thúc đẩy việc sắp xếp, quy hoạch, bổ nhiệm và giới thiệu nhân sự nữ vào các vị trí cán bộ quản lý, lãnh đạo.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

k) Rà soát để kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 19/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2010.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Tham mưu đề xuất bộ chỉ số phát triển giới của thành phố, tiêu chí phân loại giới tính trong hệ thống số liệu thống kê của thành phố.

- Hình thức văn bản: Quyết định.
- Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

b) Đưa chỉ số giới và phân tích các chỉ tiêu, số liệu có liên quan đến giới trong quá trình xây dựng kế hoạch và báo cáo tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của thành phố, từ đó đưa vào cơ sở dữ liệu hàng năm của thành phố.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2010.

c) Huy động các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nguồn vốn ODA cho các hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

7. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Bố trí ngân sách cho các hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Hướng dẫn kinh phí cho các hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành

8. Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện: Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

9. Sở Y tế chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ mang thai, trẻ em và trẻ em dưới 6 tuổi.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Tăng cường hệ thống cơ sở khám chữa bệnh đến các khu vực khó khăn, quận, huyện ngoại thành.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Tham mưu đề xuất và thực hiện mô hình cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình cho nhóm đối tượng phụ nữ nghèo, phụ nữ nhập cư tại các khu chế xuất - khu công nghiệp.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn cung cấp kiến thức về sức khỏe sinh sản, an toàn tình dục, phòng, chống HIV/AIDS,... cho nhóm đối tượng nữ vị thành niên, nữ thanh niên, các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

10. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Tổ chức truyền thông, giáo dục về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Tham mưu đề xuất và thực hiện chương trình, đề án phổ cập tin học cho cán bộ nữ đang làm việc tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp các cấp thuộc thành phố quản lý nhằm nâng cao chất lượng công tác, đáp ứng nhu cầu công việc và phù hợp với tình hình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

c) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng, khám chữa bệnh, nâng cao ý thức tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe đối với chị em phụ nữ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

11. Cục Thống kê chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện: Hướng dẫn thu thập, tổng hợp số liệu thống kê giới thuộc hệ thống chỉ tiêu thành phố.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý IV/2010.

12. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện: Xây dựng chương trình và thực hiện nghiên cứu đề tài về bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình ở khu vực thành thị, từ đó có đề xuất giải pháp để đưa bình đẳng giới vào trong gia đình.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

13. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ thành phố chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện: Xây dựng biểu mẫu và tổ chức khảo sát số hộ dân nhập cư có con, em trong độ tuổi đi học và có kế hoạch vận động phụ huynh đưa trẻ em đến trường.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý III/2010.

14. Trường Cán bộ thành phố chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện: Trang bị kiến thức giới, tư duy lồng ghép giới vào các chương trình giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Từng bước phổ cập kiến thức giới cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhà nước.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

15. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, đoàn thể liên quan thực hiện:

a) Tăng cường các hoạt động chăm lo thiết thực đến quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, phụ nữ và trẻ em.

b) Nghiên cứu mô hình tập hợp, phát triển hội viên phụ nữ là người Việt Nam ở nước ngoài đang sinh sống và làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu vận động phụ nữ trong tình hình mới.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp, kỹ năng vận động phụ nữ cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý II/2011.

d) Xây dựng và ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân thành phố và Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

đ) Tham mưu xây dựng Quy chế quy định về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân các cấp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

e) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”.

Thời gian hoàn thành, trình: Quý I/2011.

g) Tăng cường công tác phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các cấp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp thực hiện có hiệu quả Nghị định số 19 của Chính phủ và tạo điều kiện cơ cấu Tổ trưởng phụ nữ tham gia Ban điều hành khu phố, Tổ dân phố, thực hiện chính sách đối với cán bộ chi hội phụ nữ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công chịu trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện các nội dung để đảm bảo tiến độ và thời gian như đã nêu trong Kế hoạch.

2. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, đoàn thể, quận - huyện và các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình, đề án cụ thể tại đơn vị để tổ chức thực hiện có hiệu quả và đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Thời gian thực hiện: Chậm nhất là ngày 31 tháng 11 hàng năm, các sở - ban - ngành, quận - huyện báo cáo kết quả và tiến độ thực hiện công việc được giao gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tế, các sở - ban - ngành, đoàn thể, quận

- huyện có văn bản đề nghị gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch và định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2010/QĐ-UBND

*Quận 5, ngày 09 tháng 6 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 5****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 75/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế làm việc (mẫu) của Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân;

Xét Báo cáo thẩm định số 66/BC-TP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Phòng Tư pháp quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 5 tại Tờ trình số 365/TTr-NV ngày 25 tháng 5 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 5.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 422/2000/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 2000 của Ủy ban nhân dân quận 5 về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận 5 theo mô hình một cửa một dấu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Làm việc của Ủy ban nhân dân quận 5

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Các thành viên Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân 15 phường, tổ chức, cá nhân có quan hệ làm việc với Ủy ban nhân dân quận chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân quận 5

1. Ủy ban nhân dân quận 5 làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể Ủy ban nhân dân quận; đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân quận.

2. Giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, đúng thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Quận ủy, sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố; sự phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận; sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố và của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ được giao một cơ quan, đơn vị, một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Cấp trên không làm thay công việc cho cấp dưới, tập thể không làm thay công việc cho cá nhân và ngược lại. Công việc được giao cho cơ quan, đơn vị thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm về công việc được giao.

4. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận.

5. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, minh bạch trong mọi hoạt động theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Điều 3. Trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận 5

1. Ủy ban nhân dân quận giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII.

Ủy ban nhân dân quận thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề được quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận.

2. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận:

a) Thảo luận tập thể và quyết nghị từng vấn đề tại phiên họp Ủy ban nhân dân quận;

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể, theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi chung là Văn phòng) gửi toàn bộ hồ sơ và phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Ủy ban nhân dân quận để xin ý kiến. Hồ sơ gửi lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân quận áp dụng theo các quy định tại Điều 14 Quy chế này. Thành viên Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm trả lời đúng thời gian quy định để bảo đảm cho việc tổng hợp, thống kê chính xác, đủ số phiếu lấy ý kiến theo quy định.

c) Các quyết nghị tập thể của Ủy ban nhân dân quận được thông qua khi có quá

nửa số thành viên đồng ý. Trường hợp xin ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân quận bằng hình thức phiếu lấy ý kiến thì:

- Trường hợp ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

- Nếu vấn đề được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân quận đồng ý, Văn phòng trình Chủ tịch quyết định và báo cáo trong phiên họp Ủy ban nhân dân quận gần nhất;

- Nếu vấn đề không được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân quận đồng ý thì Văn phòng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định việc đưa ra thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân quận gần nhất.

Điều 4. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận:

a) Là người lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân quận, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, của cá nhân theo quy định và theo phân công, phân cấp. Trực tiếp chỉ đạo, giải quyết, kiểm tra những vấn đề quan trọng, cấp bách, những vấn đề có tính chất liên ngành liên quan đến nhiều lĩnh vực, đơn vị và địa phương trong quận.

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và đảm bảo đời sống nhân dân của Ủy ban nhân dân phường; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Ủy ban nhân dân phường; kiến nghị đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của quận.

c) Phân công một Phó Chủ tịch trong số các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận làm nhiệm vụ Phó Chủ tịch Thường trực; quyết định điều chỉnh phân công công việc giữa các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân quận khi cần thiết.

d) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo công việc khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đi vắng; trực tiếp giải quyết công việc của Phó Chủ tịch đi vắng hoặc phân công Phó Chủ tịch khác giải quyết thay Phó Chủ tịch đi vắng.

2. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 4, 6, 7 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường, cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác theo quy định; chỉ đạo một số cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác của mình trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân quận trước Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trong lĩnh vực công tác được phân công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chủ động kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường trong việc tổ chức thực hiện quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước về lĩnh vực được phân công;

b) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách phù hợp với quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân quận, quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể của các cơ quan nhà nước cấp trên và đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong việc quyết định giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công hoặc ủy nhiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về quyết định đó;

d) Báo cáo và đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến các bên chưa thống nhất.

4. Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân quận, ngoài việc thực hiện trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc đã nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này còn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền lãnh đạo công việc của Ủy ban nhân dân khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đi vắng.

Điều 6. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân quận

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân quận về công việc được phân công phụ trách, đồng thời tham gia giải quyết công việc chung của Ủy ban nhân dân quận; cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân quận trước Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành một hoặc một số lĩnh vực được phân công; giải quyết theo thẩm quyền và trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết các đề nghị của cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân quận, trường hợp vắng mặt phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tham gia ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân; tham gia ý kiến với các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận để xử lý các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc các vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 7. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân quận và pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao trên địa bàn quận; chịu sự kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn thành phố).

2. Chịu trách nhiệm chấp hành các quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; trường hợp thực hiện chậm hoặc chưa thực hiện được phải kịp thời báo cáo và nêu rõ lý do.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận giải quyết các công việc sau:

a) Giải quyết những kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến chức năng, thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận những việc vượt thẩm quyền hoặc những việc đã phối hợp giải quyết nhưng ý kiến các bên chưa thống nhất;

b) Chủ động đề xuất, tham gia ý kiến về những công việc chung của Ủy ban nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ công tác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và sự hướng dẫn của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thành phố;

c) Tham gia ý kiến với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, đề án khi có những vấn đề liên quan đến chức năng, thẩm quyền, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 7 Quy chế này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi chung là Chánh Văn phòng) còn có trách nhiệm sau:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và các báo cáo khác theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân quận.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận thông qua và giúp Ủy ban nhân dân kiểm tra, đôn đốc, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân; giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân với Thường trực Quận ủy, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cùng cấp và phối hợp tổ chức sơ, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế.

4. Theo dõi, nắm tình hình hoạt động chung của Ủy ban nhân dân quận, tổ chức việc thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

5. Phối hợp với thủ trưởng cơ quan chuyên môn tham mưu cho Chủ tịch tổ chức bộ phận tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

6. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

7. Quản lý thống nhất việc ban hành, công bố văn bản của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

8. Giải quyết một số công việc cụ thể khác do Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

Điều 9. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân quận

1. Ủy ban nhân dân quận chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, có trách nhiệm chấp hành mọi văn bản của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo chế độ quy định hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chỉ đạo, điều hành thực hiện các nghị quyết của Quận ủy, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân quận phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh quốc phòng trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân quận chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, có trách nhiệm trình bày, báo cáo những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của quận theo yêu cầu của cơ quan giám sát.

4. Ủy ban nhân dân quận phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp trong việc chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh, tự giác thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ đồng thời chịu sự giám sát của các tổ chức này theo quy định pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân và các thành viên Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp gửi đến.

6. Ủy ban nhân dân quận phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân

dân quận trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật; bảo đảm thi hành pháp luật, giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính và tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại địa phương.

7. Cán bộ nơi thực hiện thí điểm chủ trương “Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân” cần bám sát và thực hiện đúng quy chế làm việc của Cấp ủy và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân, phân định rõ vai trò người đứng đầu đảng bộ và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương trong lãnh đạo và điều hành nhiệm vụ.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

Điều 10. Các loại chương trình công tác

1. Chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân quận gồm: những nhiệm vụ, giải pháp của Ủy ban nhân dân trên các lĩnh vực công tác trong năm, các báo cáo, đề án về cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch... thuộc phạm vi quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong năm. Chương trình công tác năm do Ủy ban nhân dân quận xây dựng và tổ chức thực hiện phải phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố, đảm bảo thực hiện các giải pháp, kế hoạch, chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo.

2. Chương trình công tác quý là cụ thể hóa chương trình công tác năm được quy định thực hiện trong từng quý và những công việc bổ sung, điều chỉnh cần giải quyết trong quý.

3. Chương trình công tác tháng là cụ thể hóa chương trình công tác quý được quy định thực hiện trong từng tháng của quý và những công việc cần bổ sung, điều chỉnh trong tháng.

4. Chương trình công tác tuần gồm các công việc mà Chủ tịch và các Phó Chủ tịch giải quyết hàng ngày trong tuần.

Điều 11. Trình tự xây dựng chương trình công tác

1. Xây dựng Chương trình công tác năm:

a) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân quận danh mục các đề án cần trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành trong năm tới (sau đây gọi chung là đề án, văn bản). Các đề án, văn bản trong chương trình công tác phải ghi rõ số thứ tự; tên đề án, văn bản; nội dung chính của đề án; cơ quan chủ trì; cơ quan phối hợp và thời gian trình;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi chung là Văn phòng) tổng hợp, dự kiến chương trình công tác năm sau của Ủy ban nhân dân, gửi lại các cơ quan liên quan tham gia ý kiến;

c) Sau 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo Chương trình công tác năm sau của Ủy ban nhân dân quận, cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời, gửi lại Văn phòng để hoàn chỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân quận vào phiên họp thường kỳ cuối năm;

d) Sau 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi Chương trình công tác năm được Ủy ban nhân dân quận thông qua, Văn phòng trình Chủ tịch duyệt, gửi thành viên Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường biết, thực hiện; đồng thời gửi đến Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cùng cấp và Hội đồng nhân dân thành phố để giám sát.

2. Xây dựng Chương trình công tác quý:

a) Chậm nhất vào ngày 15 tháng cuối quý, cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường gửi Văn phòng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác quý đó, rà soát các vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung vào Chương trình công tác quý sau của Ủy ban nhân dân quận;

b) Văn phòng tổng hợp, xây dựng Chương trình công tác quý sau của Ủy ban nhân dân, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối quý, Văn phòng có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt Chương trình công tác quý sau của Ủy ban nhân dân quận, gửi cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường biết, thực hiện.

3. Xây dựng Chương trình công tác tháng:

a) Chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường căn cứ vào tiến độ chuẩn bị các đề án, văn bản đã ghi trong Chương trình công tác quý, những vấn đề

còn tồn đọng hoặc mới phát sinh, xây dựng chương trình công tác tháng sau của đơn vị mình, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân quận;

b) Văn phòng tổng hợp Chương trình công tác hàng tháng của Ủy ban nhân dân quận. Chương trình công tác tháng cần được chia theo từng lĩnh vực do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách giải quyết;

c) Chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, Văn phòng trình Chủ tịch duyệt Chương trình công tác tháng sau của Ủy ban nhân dân quận, gửi các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường biết, thực hiện; đồng thời gửi đến Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và Hội đồng nhân dân thành phố để giám sát.

4. Xây dựng Chương trình công tác tuần:

Căn cứ vào chương trình công tác tháng và chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Văn phòng xây dựng Chương trình công tác tuần sau của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, trình Chủ tịch quyết định chậm nhất vào chiều thứ sáu tuần trước và thông báo cho các tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện.

5. Văn phòng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận trong việc xây dựng, điều chỉnh và đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân quận. Việc điều chỉnh chương trình công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định, Văn phòng thông báo kịp thời để các thành viên Ủy ban nhân dân quận và Thủ trưởng cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân phường biết, thực hiện.

6. Trong quá trình xây dựng Chương trình công tác, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Quận ủy để không xảy ra tình trạng chồng chéo hoạt động giữa Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Quận ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 12. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Định kỳ tháng, quý, sáu tháng và năm, trên cơ sở các chương trình công tác của Ủy ban nhân dân quận được phê duyệt, cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện phần công việc của đơn vị mình, thông báo với Văn phòng kết quả xử lý các đề án, công việc do cơ quan mình chủ trì, các đề án, công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo và những kiến nghị điều chỉnh, bổ sung văn bản, đề án vào chương trình công tác kỳ tới của Ủy ban nhân dân quận.

2. Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

quyết định điều chỉnh, bổ sung vào chương trình công tác, vào Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phù hợp với yêu cầu chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân quận. Định kỳ sáu tháng và năm báo cáo kết quả thực hiện chương trình công tác chung của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 13. Chuẩn bị đề án, văn bản trình Ủy ban nhân dân quận

1. Trên cơ sở chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tiến hành lập kế hoạch dự thảo văn bản, đề án. Kế hoạch dự thảo văn bản, đề án của cơ quan chủ trì cần xác định rõ số thứ tự, tên văn bản, đề án, nội dung chính của đề án, đơn vị chủ trì soạn thảo, đơn vị phối hợp, tiến độ thực hiện và thời gian trình.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng nội dung văn bản, đề án bảo đảm đúng thể thức, thủ tục, trình tự soạn thảo; lấy ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp (đối với văn bản quy phạm pháp luật) và bảo đảm thời hạn trình. Trường hợp cần phải điều chỉnh nội dung, phạm vi hoặc thời hạn trình, Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo phải báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách xem xét, quyết định.

3. Đối với văn bản quy phạm pháp luật, việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến phải tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hiện hành. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu tham gia ý kiến về đề án, văn bản có liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo đúng nội dung, thời gian yêu cầu và chịu trách nhiệm về ý kiến tham gia.

4. Chánh Văn phòng có trách nhiệm giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị đề án, văn bản trình Ủy ban nhân dân quận.

Chương IV

THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN

Điều 14. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết công việc bao gồm

1. Tờ trình, đề án: Nội dung gồm sự cần thiết, luận cứ ban hành đề án, văn bản;

những nội dung chính của đề án, văn bản và những ý kiến còn khác nhau. Tờ trình phải do người có thẩm quyền ký và đóng dấu đúng quy định.

2. Dự thảo đề án, văn bản.

3. Văn bản thẩm định của Phòng Tư pháp (đối với văn bản quy phạm pháp luật).

4. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan và giải trình tiếp thu của cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản.

5. Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan.

6. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có).

Điều 15. Thẩm tra hồ sơ đề án, văn bản trình

1. Tất cả hồ sơ về đề án, văn bản do cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường chủ trì soạn thảo, trước khi trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải qua Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để làm thủ tục vào sổ công văn đến. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc thẩm tra về thủ tục hành chính, hình thức và thể thức văn bản.

2. Kiểm tra hồ sơ về thủ tục, thể thức, hình thức văn bản:

a) Nếu hồ sơ do cơ quan chủ trì soạn thảo gửi trình không đúng quy định tại Điều 14 Quy chế này, tối đa trong hai ngày làm việc kể từ ngày nhận, Văn phòng trả lại và yêu cầu cơ quan chủ trì bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Nếu hồ sơ trình không phù hợp về thể thức, hình thức; nội dung giữa các văn bản trình không bảo đảm tính thống nhất thì Văn phòng trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo để chỉnh sửa cho phù hợp;

Trường hợp giữa cơ quan chủ trì soạn thảo và Văn phòng không thống nhất thì Văn phòng báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 16. Xử lý hồ sơ trình giải quyết công việc

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết công việc chủ yếu dựa trên hồ sơ về đề án, văn bản của cơ quan trình và ý kiến thẩm tra của Văn phòng.

2. Đối với công việc có nội dung không phức tạp thì chậm nhất hai ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch cho ý kiến giải quyết hoặc ký ban hành. Đối với vấn đề có nội dung phức tạp, cần thiết phải đưa ra họp thảo luận hoặc phải trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định thì Chủ tịch, Phó

Chủ tịch giao Văn phòng phối hợp với cơ quan chủ trì đề án, văn bản để bố trí thời gian và chuẩn bị nội dung làm việc.

3. Khi đề án, văn bản trình đã được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho ý kiến giải quyết, Văn phòng phối hợp với cơ quan trình hoàn chỉnh đề án, văn bản, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký, ban hành.

Điều 17. Thẩm quyền ký văn bản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký các văn bản sau đây:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận; tờ trình, các báo cáo, công văn hành chính của Ủy ban nhân dân quận gửi cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Các văn bản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

2. Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận những văn bản thuộc lĩnh vực được Chủ tịch phân công phụ trách hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Thường trực, ngoài việc ký thay Chủ tịch các văn bản về lĩnh vực được phân công phụ trách còn được Chủ tịch ủy quyền ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch khi Chủ tịch đi vắng.

3. Chánh Văn phòng ký thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong các phiên họp Ủy ban nhân dân quận, các văn bản giấy tờ khác khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

Điều 18. Phát hành, công bố văn bản

1. Văn phòng chịu trách nhiệm phát hành văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành trong thời gian không quá hai ngày, kể từ ngày văn bản được ký; bảo đảm đúng thủ tục, đúng địa chỉ.

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận ban hành phải được gửi đến các cơ quan cấp trên, các cơ quan có thẩm quyền giám sát, các tổ chức, cá nhân hữu quan tại địa phương và công bố để nhân dân biết theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004; gửi đăng Công báo thành phố theo quy định tại Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành phải được phân loại, lưu trữ một cách khoa học và cập nhật kịp thời.

4. Chánh Văn phòng có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, cập nhật, lưu trữ, khai thác văn bản phát hành, văn bản đến theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 19. Kiểm tra việc thi hành văn bản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thường xuyên tự kiểm tra hoặc tổ chức đoàn kiểm tra chuyên đề việc thi hành văn bản tại địa phương khi cần thiết; quyết định xử lý hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý văn bản trái pháp luật, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp theo quy định của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận kiểm tra việc thi hành văn bản thông qua làm việc trực tiếp với cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách nhằm chấn chỉnh kịp thời những vi phạm về kỷ cương, kỷ luật hành chính nhà nước và nâng cao trách nhiệm thi hành văn bản; xử lý theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đối với văn bản trái pháp luật, bổ sung, sửa đổi những quy định không còn phù hợp thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận thường xuyên tự kiểm tra việc thi hành văn bản, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách xử lý theo thẩm quyền văn bản ban hành trái pháp luật, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

4. Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản tại địa phương theo quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Chương V

CHẾ ĐỘ HỘI HỌP, TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 20. Phiên họp Ủy ban nhân dân quận

1. Chuẩn bị và triệu tập phiên họp

a) Ủy ban nhân dân quận mỗi tháng họp ít nhất một lần. Thời gian triệu tập phiên họp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận chủ tọa phiên họp, khi Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch Thường trực thay Chủ tịch chủ tọa phiên họp. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chủ trì việc thảo luận từng đề án trình Ủy ban nhân dân theo lĩnh vực được phân công.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản phải gửi trước hồ sơ đề Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách lĩnh vực xem xét, quyết định việc trình ra phiên họp;

c) Văn phòng có nhiệm vụ dự kiến chương trình và thành phần phiên họp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định; đôn đốc các cơ quan chủ trì đề án gửi hồ sơ trình và các tài liệu liên quan; kiểm tra hồ sơ đề án trình; gửi giấy mời, tài liệu kỳ họp đến các thành viên Ủy ban nhân dân quận và đại biểu trước phiên họp tiến hành 05 ngày; chuẩn bị các điều kiện phục vụ phiên họp.

2. Thành phần dự phiên họp

a) Thành viên Ủy ban nhân dân quận, huyện phải tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân, nếu vắng mặt phải được Chủ tịch đồng ý. Ủy viên Ủy ban nhân dân đồng thời là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có thể ủy nhiệm cho cấp phó của mình dự họp thay nếu vắng mặt và chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu tại phiên họp của người do mình ủy nhiệm. Phiên họp Ủy ban nhân dân quận chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự;

b) Tùy theo tính chất, nội dung phiên họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể mời Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu các đoàn thể nhân dân cùng cấp dự họp khi bàn về vấn đề có liên quan;

c) Hội đồng nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận; đại diện Sở Nội vụ được mời dự phiên họp hàng tháng của Ủy ban nhân dân quận.

3. Đại biểu dự họp không phải là thành viên Ủy ban nhân dân quận được mời phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trình tự phiên họp

a) Chánh Văn phòng báo cáo số thành viên Ủy ban nhân dân quận có mặt, vắng mặt, những người dự họp thay, đại biểu mời và chương trình phiên họp;

b) Chủ tọa điều khiển phiên họp;

c) Ủy ban nhân dân quận thảo luận từng đề án theo trình tự:

- Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày tóm tắt đề án (không đọc toàn văn), nêu rõ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, những vấn đề cần thảo luận và xin ý kiến tại phiên họp;

- Các đại biểu dự họp phát biểu ý kiến nói rõ những nội dung đồng ý, không đồng ý, những nội dung cần làm rõ hoặc kiến nghị điều chỉnh, bổ sung;

- Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo đề án phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình những điểm chưa rõ, chưa nhất trí và trả lời các câu hỏi của đại biểu;

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì thảo luận đề án kết luận và lấy biểu quyết. Nếu được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân quận tán thành thì đề án được thông qua. Trường hợp qua thảo luận còn vấn đề chưa rõ, chủ tọa đề nghị Ủy ban nhân dân quận chưa thông qua và yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo đề án chuẩn bị thêm.

d) Chủ tọa phát biểu kết thúc phiên họp Ủy ban nhân dân quận.

5. Biên bản và thông báo kết quả phiên họp:

a) Biên bản phiên họp Ủy ban nhân dân quận phải được ghi đầy đủ, chính xác các ý kiến phát biểu, diễn biến của phiên họp, kết quả biểu quyết (nếu có), ý kiến kết luận của chủ tọa. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chánh Văn phòng và lưu hồ sơ của Ủy ban nhân dân quận;

b) Chánh Văn phòng tổ chức việc ghi biên bản và có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản về ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp, gửi các thành viên Ủy ban nhân dân quận, các tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện.

Điều 21. Họp xử lý công việc thường xuyên của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Họp giao ban hàng tuần: Nhằm kiểm tra tiến độ, kết quả công việc đã triển khai, giải quyết những vướng mắc, tồn tại và đề ra biện pháp hoàn thành; xử lý công việc mới phát sinh:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chủ trì họp giao ban. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực chủ trì thay;

b) Thành phần họp giao ban gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Chánh Văn

phòng Ủy ban nhân dân quận. Trường hợp cần thiết, mời Thủ trưởng một số cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để bàn những vấn đề có liên quan;

c) Trình tự và nội dung họp giao ban: Chánh Văn phòng báo cáo những công việc chính đã xử lý trong tuần; những công việc tồn đọng, mới phát sinh cần xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và dự kiến Chương trình công tác tuần sau. Đại biểu dự họp phát biểu ý kiến, đề xuất biện pháp xử lý thuộc thẩm quyền. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì phát biểu kết luận họp giao ban.

2. Họp xử lý các công việc phức tạp, đột xuất, cấp bách:

a) Theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì, Chánh Văn phòng có trách nhiệm gửi giấy mời, tài liệu liên quan đến các đại biểu, chuẩn bị các điều kiện phục vụ cuộc họp;

b) Đại biểu được mời dự họp có trách nhiệm tham gia đúng thành phần, đúng thời gian và chuẩn bị ý kiến về công việc được đưa ra thảo luận tại cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không tham dự được cuộc họp thì báo cáo người chủ trì và cử cấp phó dự họp thay.

c) Cơ quan chủ trì công việc được đưa ra thảo luận tại cuộc họp có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ tài liệu, ý kiến giải trình;

d) Sau cuộc họp, Chánh Văn phòng ra thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp; phối hợp với cơ quan chủ trì đề án hoàn chỉnh văn bản, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

3. Trong chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cần có phương pháp nhằm giảm thiểu hội họp nhưng vẫn theo dõi, kiểm tra và xử lý công việc nhanh, gọn, hiệu quả.

Điều 22. Tổ chức họp, hội nghị của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc tổ chức họp, hội nghị để triển khai hoặc tổng kết công tác, thảo luận chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý của cấp mình. Tất cả các cuộc họp, hội nghị phải được tổ chức ngắn gọn, đúng thành phần; bảo đảm thiết thực, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Cuộc họp, hội nghị do cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân

quận tổ chức có mời lãnh đạo của nhiều cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường dự phải báo cáo xin ý kiến và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp.

Điều 23. Tiếp khách của Ủy ban nhân dân quận

1. Văn phòng trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch về thời gian và nội dung tiếp khách theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận hoặc của khách; phối hợp với cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung và tổ chức phục vụ cuộc tiếp, làm việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Các cơ quan, đơn vị có khách nước ngoài đến liên hệ công tác, làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phải phối hợp với Công an quận, cơ quan liên quan để bảo đảm an ninh, an toàn cho khách và cơ quan theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Đi công tác

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận đi công tác ngoài phạm vi thành phố hoặc vắng mặt trên 3 (ba) ngày phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách; đồng thời, trong thời gian đi vắng phải ủy quyền cho cấp phó của mình giải quyết công việc thay.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận phải dành thời gian thích hợp để đi cơ sở, tiếp xúc với nhân dân, kiểm tra, nắm tình hình thực tế, kịp thời giúp cơ sở giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm.

Điều 25. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất của Ủy ban nhân dân quận, cơ quan chuyên môn thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm tổng hợp báo cáo về ngành, lĩnh vực theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận.

3. Chánh Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kiểm điểm chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân định kỳ (tháng, quý, 6 tháng và năm), báo cáo tổng kết

nhiệm kỳ và các báo cáo đột xuất gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Thường vụ Quận ủy; đồng thời gửi các thành viên Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

4. Chánh Văn phòng có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương cho Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cùng cấp, cơ quan thông tin đại chúng để thông tin cho nhân dân.

Chương VI

TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 26. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phối hợp chặt chẽ với Thường vụ Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cùng cấp trong việc tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phải có lịch tiếp công dân, quy định số buổi trực tiếp tiếp dân trong tháng và số lần ủy quyền cho Phó Chủ tịch tiếp dân phù hợp với yêu cầu của công việc, bảo đảm mỗi tháng lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận dành ít nhất hai (02) ngày cho việc tiếp công dân.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

4. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, vượt cấp tại địa phương.

Điều 27. Trách nhiệm của thành viên khác của Ủy ban nhân dân quận

1. Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện các kết luận và quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan, đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Tham gia với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Thủ trưởng các cơ quan liên quan đề xuất giải pháp xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, phức tạp tại địa phương.

3. Thực hiện nhiệm vụ trực tiếp tiếp công dân theo trách nhiệm, quyền hạn được giao và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch phân công.

Điều 28. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra quận

1. Phối hợp với Chánh Văn phòng tham mưu cho Chủ tịch tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan liên quan, xây dựng lịch tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tổ chức việc tiếp nhận, phân loại và đề xuất phương án giải quyết, trả lời đơn thư, kiến nghị của công dân gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ủy quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

4. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo chế độ quy định hoặc yêu cầu của Quận ủy, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Thanh tra thành phố.

6. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hướng dẫn nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân phường.

Điều 29. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng

1. Bố trí phòng làm việc, nơi đón tiếp công dân bảo đảm thuận lợi, dễ dàng.

2. Phối hợp với Chánh Thanh tra quận xây dựng lịch tiếp công dân của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

3. Trả lời đương sự có đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền.

Điều 30. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận

1. Thường xuyên tự kiểm tra việc thực hiện các quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan nhà nước cấp trên tại cơ quan, đơn vị mình.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết những kiến nghị, khiếu nại của công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

3. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kết luận, quyết định của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

4. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến cá nhân, tổ chức thuộc quyền quản lý của mình.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2010/CT-UBND

Bình Chánh, ngày 10 tháng 6 năm 2010

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, xây dựng trên địa bàn huyện Bình Chánh

Thực hiện Chỉ thị số 08/2002/CT-UB ngày 22 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấn chỉnh và tăng cường quản lý Nhà nước về nhà đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 20/2008/CT-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 09/2010/CT-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với sông, suối, kênh, rạch, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, những năm qua, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp nhằm đảm bảo trật tự trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, sông, kênh, rạch,... Tuy nhiên, tình hình san lấp mặt bằng, xây dựng trái phép, lấn chiếm sông, kênh, rạch,... được kéo giảm nhưng còn phức tạp, đặc biệt tại các xã Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B và Bình Hưng; việc triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch gặp nhiều khó khăn, trở ngại; việc mua đi bán lại, đầu cơ trục lợi về nhà đất đã làm tăng giá chuyển nhượng đất đai trên thị trường, ảnh hưởng không tốt đến quá trình đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nguyên nhân xảy ra tình trạng này là do công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, xây dựng còn hạn chế; nhiều trường hợp lợi dụng chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng; địa bàn rộng, giáp ranh với các địa phương đang đô thị hóa nhanh, dân số tăng cao, nhu cầu về nhà ở chưa được đáp ứng kịp thời.

Để tiếp tục chấn chỉnh tình trạng trên và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, xây dựng trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chỉ thị

thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện ngay một số biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Tăng cường kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời, đúng quy định đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, san lấp mặt bằng, xây dựng trái pháp luật, mua bán, chuyển nhượng nhà đất bất hợp pháp, lấn chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn Huyện.

1.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm tra, lập hồ sơ xử lý kịp thời theo quy định các trường hợp vi phạm trên địa bàn xã, thị trấn; Đồng thời, tổ chức thực hiện triệt để các quyết định xử phạt, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm, buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

1.2. Trưởng Ban nhân dân ấp, Trưởng Ban điều hành khu phố, Tổ trưởng Tổ nhân dân, Tổ trưởng Tổ dân phố có trách nhiệm phối hợp Thanh tra Xây dựng để kịp thời thông tin, nhanh chóng phát hiện và xác minh đúng các đối tượng vi phạm để xử lý nhanh chóng, dứt điểm, đúng người, đúng hành vi vi phạm.

1.3. Thanh tra Xây dựng huyện chịu trách nhiệm tăng cường kiểm tra, xử lý theo quy định tại các địa bàn có tình hình vi phạm phức tạp, đặc biệt xã Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B và Bình Hưng; chủ động và tích cực hỗ trợ các xã, thị trấn trong công tác kiểm tra, xử lý và tổ chức thực hiện kế hoạch cưỡng chế theo quy định.

1.4. Công an xã, thị trấn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp, hỗ trợ Thanh tra Xây dựng trong công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý theo quy định, đặc biệt đối với các trường hợp phức tạp, khó khăn.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng đất; kịp thời áp dụng các biện pháp chế tài theo quy định, kiên quyết thu hồi đất đối với những trường hợp lợi dụng chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sử dụng đất không đúng mục đích, nhằm phân lô xây dựng, kinh doanh đất đai trái pháp luật.

2.1. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ động rà soát và lập kế hoạch định kỳ hàng quý phối hợp Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra những trường hợp đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về đất đai; tham mưu lập thủ tục xử lý thu hồi đất theo quy định đối với các trường hợp có hành vi san lấp mặt bằng, phân lô xây dựng trái pháp luật.

2.2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

a) Tổ chức kiểm tra việc đầu tư xây dựng công trình trên đất nông nghiệp. Chấm

dứt việc thực hiện đăng ký, xây dựng nhà giữ vườn trên đất nông nghiệp. Công trình xây dựng trên đất nông nghiệp phải là loại công trình được quy định theo pháp luật đất đai và chỉ được phép xây dựng trên đất nông nghiệp khác (hoặc đất phi nông nghiệp khác) theo quy định về cấp phép xây dựng.

Kể từ nay, việc san lấp mặt bằng để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải có phương án xác định rõ loại đất san lấp, cao độ san lấp, loại cây trồng, vật nuôi... và phải đăng ký với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để thực hiện kiểm tra, giám sát. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận Phiếu đăng ký san lấp mặt bằng trên đất nông nghiệp, đảm bảo phù hợp và có hiệu quả đối với loại cây trồng, vật nuôi theo phương án đăng ký.

b) Lập kế hoạch phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra và báo cáo định kỳ hàng quý các trường hợp thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; kiên quyết xử lý ngăn chặn và buộc khắc phục hậu quả ngay từ đầu đối với các hành vi lợi dụng chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để san lấp mặt bằng, xây dựng trái pháp luật.

3. Tiếp tục tăng cường công tác điều tra, xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự đối với các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực đất đai, xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Giao Công an huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn rà soát, lập danh sách các khu vực có phân lô, xây dựng trái pháp luật, theo dõi, nắm rõ các đối tượng vi phạm, đặc biệt các trường hợp có tổ chức, có hệ thống, các đối tượng tái phạm về sử dụng đất đai, xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng trái pháp luật để làm cơ sở tiếp nhận các hồ sơ, tiến hành điều tra, xử lý hình sự theo quy định.

4. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở địa phương, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc phòng, chống và xử lý các đối tượng vi phạm về đất đai, xây dựng; triển khai việc phòng ngừa và phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời ngay từ tổ, ấp, khu phố.

4.1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể huyện có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện pháp luật về đất đai, xây dựng.

4.2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể của xã, thị trấn phổ biến, quán triệt đầy đủ Chỉ thị này đến hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân, để phát huy vai trò của mặt trận và đoàn thể trong công tác vận động

nhân dân và phối hợp với chính quyền cơ sở phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

4.3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai và xác định trách nhiệm cụ thể đối với cán bộ địa chính - xây dựng xã, thị trấn, Trưởng Ban nhân dân ấp, Trưởng Ban điều hành khu phố, Tổ trưởng Tổ nhân dân, Tổ trưởng Tổ dân phố trong việc phòng ngừa và phát hiện các trường hợp vi phạm xây dựng, đất đai xảy ra trên địa bàn mình phụ trách.

5. Đẩy nhanh tiến độ lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng; tăng cường phối hợp, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các dự án nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân được triển khai thực hiện nhanh chóng; chấn chỉnh công tác cấp phép xây dựng và đăng ký xây dựng tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

5.1. Giao Trưởng Phòng Công Thương chủ động tham mưu thực hiện các biện pháp thúc đẩy công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng đảm bảo kế hoạch đề ra; tham mưu các biện pháp xử lý những dự án chậm trễ, kéo dài; phối hợp hỗ trợ, tạo điều kiện để các dự án nhà lưu trú công nhân, nhà ở xã hội và nhà ở cho người có thu nhập thấp triển khai thực hiện nhanh chóng, nhằm tạo thêm quỹ nhà ở cho người có thu nhập thấp, công nhân và người lao động trên địa bàn.

5.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện tốt công tác phối hợp trong góp ý, hiến kế đối với các đồ án quy hoạch xây dựng, nhằm đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quy hoạch và triển khai thực hiện.

6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật, trong đó chú trọng tuyên truyền sâu rộng pháp luật về đất đai và xây dựng, các chế tài hành chính và hình sự đối với những trường hợp vi phạm.

6.1. Giao Phòng Tư pháp phối hợp với Thanh tra Xây dựng huyện, Đài Truyền thanh, Bản tin Bình Chánh và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền pháp luật.

6.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý cán bộ, công chức, viên chức của mình thực hiện gương mẫu và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về đất đai và xây dựng.

7. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ nông dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả cao theo hướng nông nghiệp đô thị, tạo điều kiện thuận lợi để người nông dân yên tâm sản xuất gắn với giữ gìn, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp theo quy hoạch trên địa bàn huyện.

7.1. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về định hướng các vùng sản xuất nông nghiệp trên cơ sở Đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Chánh, tỷ lệ 1/5000; phối hợp Phòng Công Thương, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nghiên cứu các điều kiện sản xuất của từng khu vực để có những giải pháp quản lý và sử dụng đất đai phù hợp, hiệu quả.

7.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kế hoạch quản lý, đầu tư khai thác, mở rộng và bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, hệ thống sông, kênh, rạch để tạo điều kiện cho nông dân ổn định sản xuất nông nghiệp.

7.3. Tập trung thực hiện thành công Đề án xây dựng xã nông thôn mới (xã Tân Nhựt); phấn đấu tiếp tục thực hiện đầu tư từ 2 đến 3 xã theo mô hình xã nông thôn mới đến năm 2015.

8. Tăng cường củng cố, nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất chính trị, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

8.1. Giao Trưởng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi quản lý của mình, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức về kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác, đảm bảo xử lý hồ sơ đúng trình tự và thủ tục quy định; tiếp tục triển khai thực hiện tốt Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

8.2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ cán bộ, công chức, người lao động và xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp vi phạm, kể cả truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định. Những thiếu sót, sai phạm cụ thể phải được kiểm điểm gắn với việc đánh giá, phân loại thi đua cuối năm.

9. Tổ chức thực hiện

Chỉ thị này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện Chỉ thị; Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng và Chỉ thị này; Đồng thời, phải xem việc thực hiện Chỉ thị này là một trong những tiêu chí để bình xét thi đua hàng năm tại các cơ quan, đơn vị.

Ủy ban nhân dân huyện sẽ phê bình, kiểm điểm, xử lý kỷ luật Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện không nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng và Chỉ thị này.

Giao Thanh tra Xây dựng huyện là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá và tham mưu quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị và thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2010/CT-UBND

Bình Chánh, ngày 10 tháng 6 năm 2010

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý Nhà nước về môi trường trên địa bàn huyện Bình Chánh

Trong thời gian qua, nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Huyện ủy Bình Chánh về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn, như: Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường; Tăng cường vớt rác, nạo vét các kênh, rạch, đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm cải thiện ô nhiễm nguồn nước; quản lý lực lượng thu gom rác dân lập; tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn,... bước đầu đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, kết quả còn thấp so với yêu cầu đặt ra, tình hình ô nhiễm môi trường vẫn còn phức tạp do ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của bộ phận dân cư, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, tổ chức còn thấp; việc xử lý vi phạm pháp luật về môi trường chưa nghiêm, chưa triệt để; địa bàn rộng nên việc kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm về môi trường gặp khó khăn, thường tập trung vào các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ lẻ hoặc các điểm thu mua phế liệu trái phép.

Để chấn chỉnh tình trạng này và nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Huyện ủy; Chương trình hành động số 1986/CTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chỉ thị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện ngay một số biện pháp chủ yếu sau:

1. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về môi trường của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân; đảm bảo

100% các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường bị phát hiện và xử lý theo quy định.

1.1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về môi trường của các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình; đảm bảo 100% các trường hợp vi phạm pháp luật môi trường bị phát hiện xử lý theo quy định;

b) Giao nhiệm vụ cho Trưởng Ban điều hành khu phố, Trưởng Ban nhân dân ấp, Tổ trưởng Tổ dân phố, Tổ trưởng Tổ nhân dân nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường trên địa bàn;

c) Thông báo công khai các Quyết định xử lý vi phạm đối với các trường hợp gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn để nhân dân biết, kiểm tra và giám sát quá trình chấp hành Quyết định;

d) Hàng quý, có báo cáo thống kê về các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường bị phát hiện và xử lý cho Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường).

1.2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp Cảnh sát Môi trường - Công an thành phố, Công an huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra và đề xuất biện pháp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; đảm bảo 100% các trường hợp vi phạm pháp luật môi trường bị phát hiện đều bị xử lý theo quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, gây ô nhiễm môi trường.

c) Hàng quý, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp, báo cáo thống kê về các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường bị phát hiện và xử lý cho Ủy ban nhân dân huyện.

1.3. Giao Phòng Công Thương phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, xử lý kiên quyết theo quy định các trường hợp hoạt động kinh doanh gây ô nhiễm môi trường không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc kinh doanh không đúng với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.4. Giao Công an huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn rà soát, lập danh sách các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường gây hậu quả nghiêm trọng, tái phạm; tiến hành điều tra, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Rà soát, thống kê, lập danh sách các địa điểm kinh doanh phế liệu hoạt động trên địa bàn huyện, đề xuất kế hoạch xử lý.

2.1. Giao Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp với Phòng Công Thương và Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các điểm kinh doanh phế liệu trên địa bàn theo chủ trương:

- Đối với các điểm kinh doanh phế liệu hoạt động có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn vận động chuyển đổi ngành nghề hoạt động không ảnh hưởng đến môi trường, tiến tới chấm dứt hoạt động kinh doanh phế liệu.

- Đối với các điểm kinh doanh phế liệu hoạt động không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn kiểm tra, khẩn trương xử lý theo quy định pháp luật.

2.2. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng đề án chuyển đổi ngành nghề cho các đối tượng kinh doanh phế liệu trên địa bàn phù hợp với đặc thù của từng đối tượng.

2.3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn rà soát, thống kê, lập danh sách và có biện pháp xử lý theo quy định các địa điểm kinh doanh phế liệu gây ô nhiễm môi trường.

3. Tăng cường việc quản lý thu gom, vận chuyển rác, thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn theo Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3.1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tăng cường việc quản lý lực lượng thu gom rác dân lập, tổ chức thực hiện thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn theo Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3.2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Công ty Dịch vụ Công ích huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của lực lượng thu gom rác dân lập trên địa bàn.

4. Phối hợp kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về môi trường đối với Khu xử lý chất thải rắn Việt Nam tại xã Đa Phước; Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân.

4.1. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện kế hoạch phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, khu chế xuất thành phố, Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an thành phố, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc vận hành Khu xử lý chất thải rắn Việt Nam tại xã Đa Phước đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; giám sát việc thu gom, vận chuyển rác về khu xử lý, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và phối hợp xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật môi trường; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện phối hợp kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật môi trường tại Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc.

4.2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu kế hoạch tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường tại Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Lê Minh Xuân theo quy định.

5. Tập trung đầu tư Trạm trung chuyển rác; cải tạo, nạo vét các tuyến kênh, rạch bị ô nhiễm.

5.1. Giao Công ty Dịch vụ Công ích huyện phối hợp các đơn vị chức năng đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng 02 Trạm trung chuyển rác khép kín hợp vệ sinh tại xã Lê Minh Xuân và xã Bình Chánh.

5.2. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân huyện kế hoạch nạo vét các kênh rạch ô nhiễm bị bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy ảnh hưởng đến môi trường.

6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện trong công tác tuyên truyền, vận động, phát hiện và xử lý các đối tượng vi phạm về môi trường.

6.1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể huyện phổ biến, quán triệt đầy đủ nội dung Chỉ thị này để phát huy vai trò trong việc phối hợp với chính quyền cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về môi trường.

6.2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai các hoạt động liên tịch phối hợp hành động bảo vệ môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể.

7. Tổ chức thực hiện

Chỉ thị này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn khẩn trương, nghiêm túc tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để tiếp tục chỉ đạo, giải quyết.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá và tham mưu quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị và thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: t tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng